

BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHẪU THUẬT
Tháng 11 năm 2017

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Số tiền thực lĩnh
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III			
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	
1	Hoàng Tiến Việt	PTV chính		280.000	0	6	125.000	750.000		65.000	0		50.000	0	750.000
2	Đỗ Văn Tuyền	Gây mê chính	7	280.000	1.960.000	61	125.000	7.625.000	23	65.000	1.495.000	4	50.000	200.000	11.280.000
3	Nguyễn Xuân Thanh	Gây mê chính	4	280.000	1.120.000	57	125.000	7.125.000	37	65.000	2.405.000	4	50.000	200.000	10.850.000
4	Phạm Hồng Thanh	Gây mê chính	7	280.000	1.960.000	56	125.000	7.000.000	31	65.000	2.015.000	4	50.000	200.000	11.175.000
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Dụng cụ	2	200.000	400.000	37	90.000	3.330.000	18	50.000	900.000		30.000	0	4.630.000
6	Nông Thị Tuyết Mai	Gây mê chính	4	280.000	1.120.000	65	125.000	8.125.000	30	65.000	1.950.000	3	50.000	150.000	11.345.000
7	Lâm Thị Phương	Phụ gây mê	6	200.000	1.200.000	19	90.000	1.710.000	20	50.000	1.000.000	3	30.000	90.000	4.000.000
8	Đào Hùng Hải	Phụ gây mê	3	200.000	600.000	53	90.000	4.770.000	23	50.000	1.150.000	2	30.000	60.000	6.580.000
9	Nguyễn Thị Huệ	Phụ gây mê	5	200.000	1.000.000	38	90.000	3.420.000	18	50.000	900.000	2	30.000	60.000	5.380.000
10	Ng Thị Bích Loan	Phụ gây mê		200.000	0	37	90.000	3.330.000	19	50.000	950.000	4	30.000	120.000	4.400.000
11	Ng Tuyết Nhung	Phụ gây mê	5	200.000	1.000.000	54	90.000	4.860.000	21	50.000	1.050.000	2	30.000	60.000	6.970.000
12	Hoàng Thị Nhung	Dụng cụ	2	200.000	400.000	3	90.000	270.000	4	50.000	200.000		30.000	0	870.000
13	Lã Thị Vân	Phụ gây mê	3	200.000	600.000	38	90.000	3.420.000	20	50.000	1.000.000	2	30.000	60.000	5.080.000
14	Phùng Thu Diệp	Dụng cụ	6	200.000	1.200.000	47	90.000	4.230.000	16	50.000	800.000	4	30.000	120.000	6.350.000
15	Hoàng Thị Thúy	Dụng cụ	4	200.000	800.000	38	90.000	3.420.000	21	50.000	1.050.000	3	30.000	90.000	5.360.000
16	Nguyễn Thị Vân Anh	Dụng Cụ	2	200.000	400.000	13	90.000	1.170.000	9	50.000	450.000		30.000	0	2.020.000
17	Nguyễn Thị Vân Anh	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000
18	Hoàng Thị Thu Trà	Dụng cụ	1	200.000	200.000	27	90.000	2.430.000	17	50.000	850.000	2	30.000	60.000	3.540.000
19	Hoàng Thị Thu Trà	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000
20	Phùng Thị Cúc	Dụng cụ	1	200.000	200.000	28	90.000	2.520.000	19	50.000	950.000	5	30.000	150.000	3.820.000
21	Phùng Thị Cúc	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Số tiền thực lĩnh
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III			
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	
22	Trần Thanh Tuấn	Dụng cụ	4	200.000	800.000	45	90.000	4.050.000	17	50.000	850.000	1	30.000	30.000	5.730.000
23	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	PTV chính		280.000	0	12	125.000	1.375.000	6	65.000	325.000	2	50.000	50.000	1.750.000
24	Tạ Minh Hoàn	Phụ		200.000	0	5	90.000	450.000	4	50.000	200.000		30.000	0	650.000
25	Tạ Thị Nga	Phụ		200.000	0	6	90.000	450.000	4	50.000	150.000	2	30.000	30.000	630.000
26	Vũ Thị Quỳnh Anh	PTV chính		280.000	0		125.000	0	2	65.000	130.000		50.000	0	130.000
27	Vũ Thị Quỳnh Anh	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000
28	Nguyễn Thị Thanh Tâm	PTV chính		280.000	0	4	125.000	500.000	4	65.000	260.000	2	50.000	100.000	860.000
29	Vương Thùy Vân	Phụ		200.000	0	3	90.000	270.000	2	50.000	100.000	1	30.000	15.000	385.000
30	Lưu Văn Kính	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000	2	50.000	100.000	1	30.000	30.000	220.000
31	Lò Thị Tâm	PTV chính	4	280.000	1.120.000	33	125.000	3.687.500	5	65.000	325.000		50.000	0	5.132.500
34	Tào Hồng Hải	PTV chính		280.000	0	2	125.000	250.000	2	65.000	130.000	1	50.000	50.000	430.000
34	Tào Hồng Hải	Phụ	3	200.000	600.000	25	90.000	1.935.000	3	50.000	150.000		30.000	0	2.685.000
34	Đỗ Tân Điệp	Phụ		200.000	0	5	90.000	450.000		50.000	0	1	30.000	30.000	480.000
35	Trần Cao Quyền	Phụ	1	200.000	200.000	23	90.000	1.800.000	4	50.000	200.000		30.000	0	2.200.000
36	Đỗ Thị Thủy	PTV chính	4	280.000	1.120.000	56	125.000	7.000.000	15	65.000	975.000		50.000	0	9.095.000
37	Đỗ Thị Thủy	Phụ		200.000	0	2	90.000	180.000		50.000	0		30.000	0	180.000
38	Sin Thị Huyền	PTV chính		280.000	0	7	125.000	875.000	8	65.000	520.000		50.000	0	1.395.000
39	Sin Thị Huyền	Phụ	1	200.000	200.000	7	90.000	630.000	1	50.000	50.000		30.000	0	880.000
40	Lâm Kim Ngân	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000
41	Nguyễn Thị Thập	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000	1	50.000	50.000		30.000	0	140.000
42	Hà Thị Kim Diễm	Phụ		200.000	0	4	90.000	360.000	3	50.000	150.000		30.000	0	510.000
43	Nguyễn Hoàng Thạch	Phụ	3	200.000	600.000	52	90.000	4.680.000	18	50.000	900.000		30.000	0	6.180.000
44	Vũ Ngọc Quyết	PTV chính	2	280.000	560.000	31	125.000	3.875.000	9	65.000	585.000	10	50.000	500.000	5.520.000
45	Đỗ Trung Kiên	PTV Chính		280.000	0	16	125.000	2.000.000	8	65.000	520.000		50.000	0	2.520.000
46	Đỗ Trung Kiên	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000

STT	Chức vụ	Phẫu Thuật Viên	PHẦN THANH TOÁN												Số tiền thực lĩnh
			Loại đặc biệt			Loại I			Loại II			Loại III			
			Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	Số ca	Mức PC	Thành tiền	
47	Lộc Trần Thịnh	Phụ	3	200.000	600.000	20	90.000	1.800.000	13	50.000	650.000	5	30.000	150.000	3.200.000
48	Bùi Ngọc Hân	Phụ		200.000	0	36	90.000	3.240.000	8	50.000	400.000	6	30.000	180.000	3.820.000
49	Bùi Quang Thái	PTV Chính		280.000	0	16	125.000	2.000.000	5	65.000	325.000	1	50.000	50.000	2.375.000
50	Bùi Quang Thái	Phụ	1	200.000	200.000	8	90.000	720.000	3	50.000	150.000		30.000	0	1.070.000
51	Mã Hồng Cầu	PTV chính	2	280.000	560.000	22	125.000	2.750.000	8	65.000	520.000		50.000	0	3.830.000
52	Nguyễn Khánh Dũng	Phụ	2	200.000	400.000	21	90.000	1.890.000	4	50.000	200.000		30.000	0	2.490.000
53	Nghiêm Xuân Việt	Phụ	1	200.000	200.000	18	90.000	1.620.000	4	50.000	200.000		30.000	0	2.020.000
54	Lê Văn Lợi	PTV chính	3	280.000	840.000	19	125.000	2.250.000	15	65.000	975.000	1	50.000	50.000	4.115.000
55	Lê Văn Lợi	Phụ		200.000	0	1	90.000	90.000		50.000	0		30.000	0	90.000
56	Đào Thùy Dương	PTV chính	3	280.000	840.000	15	125.000	1.812.500	14	65.000	910.000		50.000	0	3.562.500
57	Đào Thùy Dương	Phụ		200.000	0	2	90.000	180.000		50.000	0		30.000	0	180.000
58	Ngọc Thanh Phương	PTV chính	4	280.000	1.120.000	9	125.000	1.125.000	13	65.000	845.000		50.000	0	3.090.000
59	Ngọc Thanh Phương	Phụ	2	200.000	400.000	9	90.000	765.000	1	50.000	50.000		30.000	0	1.215.000
60	Phạm Văn Cường	PTV chính		280.000	0	3	125.000	375.000	9	65.000	585.000		50.000	0	960.000
61	Phạm Văn Cường	Phụ		200.000	0		90.000	0	1	50.000	50.000		30.000	0	50.000
62	Nguyễn Thị Hà B	Phụ		200.000	0		90.000	0	1	50.000	50.000		30.000	0	50.000
63	Phạm Ngọc Nam	Phụ	1	200.000	200.000	16	90.000	1.395.000	24	50.000	1.200.000	1	30.000	30.000	2.825.000
64	Ng Thị Việt Nga	Phụ	6	200.000	1.200.000	18	90.000	1.575.000	22	50.000	1.100.000		30.000	0	3.875.000
Cộng			112		25.920.000	1.256		128.630.000	609		33.995.000	79		2.915.000	191.460.000

Ghi chú:
số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 22 tháng 12 năm
Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

[illegible]

khoa
Khoa Gây Mê Hồi Sức
Khoa Mắt
Khoa Mắt
Khoa Mắt
Khoa Mắt
Khoa Mắt
Khoa Mắt
Khoa Tai Mũi Họng
Khoa Tai Mũi Họng
Khoa Tai Mũi Họng
Khoa Răng Hàm Măt
Khoa Răng Hàm Măt
Khoa Răng Hàm Măt
Khoa Răng Hàm Măt
Khoa Răng Hàm Măt
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Sản
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ngoại Tổng Hợp

khoa
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ngoại Tổng Hợp
Khoa Ung Bướu
Khoa Ung Bướu
Khoa Ung Bướu
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
Khoa CT-CH
1

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN PHỤ CẤP PHẪU THUẬT
Tháng 11 năm 2017

STT	KHOA PHÒNG	TỔNG SỐ TIỀN	SỐ TIỀN TRỪ	TIỀN THỰC LĨNH	GHI CHÚ
1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	750.000	-	750.000	
2	Khoa Gây mê hồi sức	109.650.000	-	109.650.000	
3	Khoa Mắt	3.250.000	-	3.250.000	
4	Khoa Răng Hàm Mặt	10.927.500	-	10.927.500	
5	Khoa Tai mũi họng	1.465.000	-	1.465.000	
6	Khoa Sản	18.470.000	-	18.470.000	
7	Khoa Ngoại tổng hợp	18.595.000	-	18.595.000	
8	Khoa Ung Bướu	8.340.000	-	8.340.000	
9	Khoa CT-CH	20.012.500	-	20.012.500	
	TỔNG	191.460.000	-	191.460.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh